TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 25-7-2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tẻo;

2. Bà Nguyễn Thị Ngưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2022/TLST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 104, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1982.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Ngô Thị L, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã I, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh H yêu cầu anh Trần Văn T và chị Ngô Thị

L trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và phạt cọc 200.000.000 đồng, do anh T và chị L không thực hiện đúng theo giao kết trong hợp đồng mua bán ngày 12-9-2022. Tổng cộng là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Cụ thể:

Anh H quen biết với anh T thông qua bà Trần Thị Thanh U giới thiệu. Vào ngày 12/09/2022, anh H có ký hợp đồng mua bán lúa nếp tươi loại IR4625 với anh T, nội dung: Anh H mua 200 tấn với giá lên xe là 5.600 đồng/kg, anh T có nghĩa vụ giao nếp cho anh H từ ngày 25-10-2022 đến ngày 10-11-2022 âm lịch tức ngày 18/11/2022 đến ngày 03/12/2022 dương lịch, nếu bên bán vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường gấp 02 lần so với tiền đã đặt cọc, bên mua vi phạm hợp đồng thì mất tiền đã đặt cọc. Hợp đồng bán nếp tươi có chị Trần Thị Thanh U và chị Giáp Thị P ký tên mục "bên dẫn mua". Anh H đã đưa tiền cọc cho anh T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bằng hình thức chuyển khoản (ngày 13/09/2022 chuyển vào tài khoản anh T số 05066604133 – Ngân hàng Sacombank chi nhánh Bến Cầu 100.000.000 đồng và ngày 15/09/2022 chuyển khoản 100.000.000 đồng). Tuy nhiên, kể từ khi ký kết hợp đồng và nhận tiền đặt cọc, anh T và chị L vẫn chưa thực hiện việc giao nếp cho anh H theo thỏa thuận trong hợp đồng, mặc dù anh H nhiều lần liên lạc qua điện thoại và trực tiếp yêu cầu nhưng anh T vẫn cố tình tránh né không thực hiện. Do đó anh H yêu cầu anh T và chị L trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:* Anh thừa nhận giữa anh và anh H có giao kết hợp đồng mua bán nếp tươi loại IR4625 ngày 12-9-2022 và thỏa thuận đúng như phía người đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày. Tuy nhiên anh không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H, vì thực tế anh đã giao nếp cho H nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 07-11-2022 là 15.017 kg nếp, số xe vận chuyển là 50H-14128; ngày 10-11-2022 giao 12.857 kg nếp, số xe vận chuyển là 4348 (vì xe anh H thuê nên anh không rỏ biển số xe đầy đủ); ngày 16-10-2022 âm lịch anh H tự liên hệ với người nông dân để nhận lúa và có báo cho anh biết là nhận 26 tấn nếp còn số xe vận chuyển thì anh không biết vì anh H thuê; ngày 18-11-2022 giao 31.270 kg nếp, số xe vận chuyển là 70C-66372; ngày 19-11-2022 giao 17.230 kg nếp, số xe vận chuyển là 70C-05967 và ngày 26-11-2022 giao 14.222 kg nếp, số xe vận chuyển là 50H-14128.

Tổng cộng anh đã giao cho anh H 116.596 kg (6.650 đồng/ kg), với số tiền 775.363.400 đồng, anh đã trừ tiền đặt cọc là 115.000.000 đồng (ngày 07-11-2022 trừ 30.000.000 đồng; ngày 16-10-2022 âm lịch trừ 20.000.000 đồng; ngày 19-11-2022 trừ 50.000.000 đồng; ngày 26-11-2022 trừ 15.000.000 đồng), số tiền còn lại anh nhận đầy đủ. Việc giao nếp cho anh H anh không có chứng cứ gì chứng minh, tuy nhiên có chị Giáp Thị P và chủ xe chở nếp biết.

Do đó, anh chỉ còn nợ anh H tiền đặt cọc là 85.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả cho anh H số tiền còn nợ lại là 85.000.000 đồng, không đồng ý bồi thường tiền cọc.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L trình bày:* Chị thống nhất lời trình bày của chồng chị là anh T. Mặc dù hợp đồng bán nếp tươi chỉ một mình anh T ký tên nhưng chị biết và đồng ý, việc mua bán vợ chồng đều thực hiện, thời điểm ký hợp đồng chị có mặt nhưng chị suy nghĩ là vợ chồng chỉ cần một mình anh T ký tên là được. Chị đồng ý cùng với anh T có trách nhiệm trả tiền cho anh H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án thụ lý ngày 23/12/2022 nhưng đến ngày 04/7/2023 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên đề nghị rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 328, 351, 385 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với anh Trần Văn T. Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Văn H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, trong đó tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc 200.000.000 đồng.

+ Về án phí: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Anh Trần Văn H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hợp đồng mua bán nếp tươi ngày 12/9/2022 giữa anh Trần Văn T với anh Trần Văn H nhưng anh H khởi kiện yêu cầu trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc do vi phạm hợp đồng. Do đó, cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*" theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 12-9-2022 giữa anh H và anh T có ký kết hợp đồng mua bán nếp tươi, nếp loại IR4625, số lượng 200 tấn, giá lên xe là 5.600 đồng/kg, thời hạn giao nếp từ ngày 25-10-2022 đến ngày 10-11-2022 âm

lịch (tức ngày 18/11/2022 đến ngày 03/12/2022 dương lịch), nếu bên bán vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường gấp 02 lần so với tiền đã đặt cọc, bên mua vi phạm hợp đồng thì mất tiền đã đặt cọc. Anh H đã đưa tiền cọc cho anh T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nhưng khi đến hạn giao nếp anh Tkhông giao đúng theo thỏa thuận. Do đó, anh H yêu cầu anh Trần Văn T và chị Ngô Thị L trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và phạt cọc 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng. Ngược lại anh T và chị L cho rằng đã giao nếp cho anh H nhưng chưa đầy đủ và đã khấu trừ tiền đặt cọc được 115.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả lại tiền đặt cọc là 85.000.000 đồng, không đồng ý phạt cọc.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Nguyên đơn cung cấp "Hợp đồng bán nếp tươi" ngày 12/9/2022 (bút lục số 30) có anh H ký tên "bên mua", anh Tký tên "bên bán" và có chị Trần Thị Thanh U và chị Giáp Thị P ký tên "bên dẫn mua". Xét thấy, trong quá trình tố tụng các bên đều thừa nhận việc ký kết "Hợp đồng bán nếp tươi" ngày 12/9/2022 và anh Txác nhận chữ ký trong hợp đồng là của anh. Chính vì vậy, có cơ sở xác định việc mua bán nếp tươi giữa anh Trần Văn T với anh Trần Văn H là có thật, các bên đều thừa nhận có việc mua bán, anh T xác nhận đã nhận tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Chứng tỏ việc hai bên ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và thể hiện ý chí của các bên, nội dung giao dịch không trái quy định của pháp luật và được lập thành văn bản theo đúng quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự.

[4.2] Xét lời trình bày của anh T và chị L: Anh chị cho rằng đã giao nếp cho anh H nhưng chưa đầy đủ và đã khấu trừ 115.000.000 đồng tiền đặt cọc nên chỉ còn nợ lại 85.000.000 đồng, tuy nhiên anh Tvà chị L không có chứng cứ gì để chứng minh việc anh H có nhận nếp từ anh chị. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T và chị L khai các lần giao nếp cho anh H không thống nhất; hơn nữa chị L cho rằng các lần giao nếp là do chị giao (anh T không có mặt) và ghi sổ sách theo dõi nhưng giấy ghi các lần giao nếp (bút lục số 28) do anh T giao nộp thì anh T cho rằng anh là người ghi chép khi giao nếp cho H chứng tỏ lời khai của anh T và chị L không hợp lý.

[4.3] Chị L cung cấp Giấy xác nhận ngày 17/6/2023 của Giám đốc hợp tác xã. Cụ thể, trong Giấy xác nhận ghi *"Ngày 07/11/2022 ông Trần Văn T có ủy quyền cho các ông Trần Văn H, Huỳnh Văn N và Võ Văn C đứng ra thu mua lúa nếp theo sự liên kết, hợp đồng các bên"*. Xét thấy, không có nội dung nào thể hiện việc anh H có nhận nếp từ anh T theo "Hợp đồng bán nếp tươi" ngày 12/9/2022. Hơn nữa, ngày giao nếp theo Giấy xác nhận là ngày 07/11/2022, không nằm trong thời gian giao nếp mà hai bên thỏa thuận (từ ngày 25-10-2022 đến ngày 10-11-2022 âm lịch, tức ngày 18/11/2022 đến ngày 03/12/2022 dương lịch). Đồng thời, Tòa án đã mời người làm chứng nhưng không đến chứng tỏ người làm chứng từ chối cung cấp thông tin xác thực về việc đã xác nhận. Do

đó, lời trình bày của anh T và chị L là không có căn cứ. Trong thời gian từ khi ký kết hợp đồng đến nay, anh T và chị L không có gặp phải sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan đối với việc thực hiện hợp đồng, chứng tỏ anh T và chị L đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc anh T và chị L có trách nhiệm trả tiền cọc và phạt cọc cho anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H nên anh T và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 328, 351 của Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc" với anh Trần Văn T.

Buộc anh Trần Văn T và chị Ngô Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. (Trong đó, tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 200.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

Buộc anh Trần Văn T và chị Ngô Thị L phải chịu 20.000.000 (hai chục triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng theo biên lai thu số 0022945 ngày 23-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui